

Bản án số: 29/2021/HSST

Ngày: 05 - 02 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hoàng Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh
2/ Ông Lê Nguyên Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Ngọc Minh – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 08/2021/HSST ngày 25 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ Trịnh Hoàng L; sinh năm: 1993, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; trú tại: 60 đường D, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông; Trịnh Long V, sinh năm 1957; và bà: Trương Phước Thanh H, sinh năm 1956; vợ, con: Chưa có; nhân thân: Ngày 20/5/2013 bị Công an quận Tân Phú xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi xâm hại đến sức khỏe người khác; tiền án: Không, tiền sự: Ngày 04/7/2018 bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/7/2020 - Có mặt tại phiên tòa.

2/ Nguyễn Thị Kim Bé T; sinh ngày: 17/6/1991, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; trú tại: Không đăng ký; chỗ ở: Không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 01/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông; Nguyễn Văn D, sinh năm 1972 (đã chết); và bà: Võ Thị Kim C, sinh năm 1974 (đã chết); chồng: Chưa có, và con: 01 người sinh năm 2008; nhân thân: Ngày 30/6/2011 bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tiền án: Ngày 14/11/2017 bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất

ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/4/2019, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/7/2020 - Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Ngô Bích D, sinh năm: 1980; trú tại: 16/6 đường N, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trương Phước C, sinh năm: 1951; trú tại: 33/10/7 đường G, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh -Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 40 phút ngày 20/7/2020, Trịnh Hoàng L điều khiển xe gắn máy dạng Wave, màu xanh, biển số: 52P8-1883 chở Nguyễn Thị Kim Bé T lưu thông trên đường L hướng ra đường T. Khi đến trước số 65 L, phường S, quận Tân Phú thì T phát hiện chị Ngô Bích D đang điều khiển xe gắn máy chạy cùng chiều phía trước, trong túi quần Jean phía trước, bên phải của chị D có để 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO Reno 10X Zoom, màu xanh đen, 256GB nhô ra khỏi túi quần nên T chỉ cho L thấy và rủ L giật chiếc điện thoại di động trên, L đồng ý. Sau đó, L điều khiển xe gắn máy vượt lên từ phía sau, áp sát phía bên phải của chị D để T dùng tay trái giật chiếc điện thoại di động hiệu OPPO Reno rồi bỏ vào trong túi áo khoác bên trái của L. Sau đó, L chở T tẩu thoát ra hướng đường T. Thấy vậy, chị D liền tri hô và truy đuổi liên tục theo L. Nghe tiếng tri hô của chị D, anh Huỳnh Văn T điều khiển xe cùng chị D truy đuổi theo L và T. Khi đến trước số 140 T, phường S, quận Tân Phú thì chị D bị té xe nên chị không truy đuổi nữa, còn anh T vẫn truy đuổi theo L thì L điều khiển xe chở T chạy vào đường Nguyễn Quý A nhưng do lượng xe đông nên L, T bỏ xe chạy bộ thì bị anh T cùng quần chúng nhân dân bắt giao cho Công an phường S, quận Tân Phú xử lý. Tại Cơ quan điều tra Trịnh Hoàng L và Nguyễn Thị Kim Bé T đã thừa nhận toàn bộ hành vi cướp giật điện thoại di động như trên, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Theo kết luận định giá tài sản số 1899/KL-HĐĐGTS ngày 05/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS UBND quận Tân Phú, kết luận vào thời điểm ngày 20/7/2020, 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 10X Zoom, màu xanh đen, 256GB, số IMEI: 867972042057291 có trị giá là 8.000.000 đồng.

Vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 10X Zoom, màu xanh đen, 256GB, số IMEI: 867972042057291, đã trả lại cho chị Ngô Bích D.
- 01 áo khoác dài tay, màu nâu; 01 quần jean dài, màu đen, 01 nón bảo hiểm, màu trắng-cam, thu giữ của bị cáo L.
- 01 xe gắn máy dạng Wave, màu xanh, biển số: 52P8-1883, số khung: RMKWCH4UM5K415975, số máy: VKVIP52FMHR415975. Đây là xe gắn

máy L sử dụng chở T đi cướp giật tài sản. Qua xác minh, đây là xe của ông Trương Phước C (cậu ruột của L) thường trú tại 33/10/7 G, phường T, quận P làm chủ sở hữu. Ông C khai nhận không biết việc L lấy xe đi cướp giật tài sản.

- 01 áo khoác dài tay, màu nâu; 01 quần jean dài, màu đen, 01 nón bảo hiểm, màu trắng, thu giữ của bị cáo Thi.

Tại bản cáo trạng số 168/CT-VKSQ.TP ngày 25 tháng 11 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú đã truy tố các bị cáo Trịnh Hoàng L, Nguyễn Thị Kim Bé T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên Tòa:

- Sau khi kết thúc phần xét hỏi, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa, phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm về tội danh và điều khoản mà cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trịnh Hoàng L từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim Bé T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý phần trách nhiệm dân sự và vật chứng.

- Các bị cáo Trịnh Hoàng L, Nguyễn Thị Kim Bé T đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung vụ án được tóm tắt như trên, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Điều tra viên, Kiểm sát viên, khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đã có đủ cơ sở để xác định:

Khoảng 17 giờ 40 phút ngày 20/7/2020, Trịnh Hoàng L điều khiển xe gắn máy mang biển số 52P8 – 1883 chở Nguyễn Thị Kim Bé T đang lưu thông trên đường L hướng ra đường T thì T phát hiện chị Ngô Bích D đang điều khiển xe gắn máy cùng chiều phía trước, trong túi quần trước, bên phải có để 01 điện thoại di động hiệu OPPO nhô ra nên chỉ cho L và rủ L cướp giật chiếc điện thoại nói trên, L đồng ý. L điều khiển xe áp sát bên phải của chị D để T dùng tay trái giật chiếc điện thoại OPPO rồi bỏ vào trong túi áo khoát bên trái của L và L tăng ga tẩu thoát. Chị D tri hô cùng quần chúng nhân dân đuổi theo đến đường N thì bắt giữ được L và T giao công an xử lý.

Vì vậy đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Trịnh Hoàng L và Nguyễn Thị Kim Bé T phạm tội “Cướp giật tài sản”, như bản cáo trạng đã truy tố. Do các bị cáo sử dụng xe gắn máy công khai, chiếm đoạt tài sản có giá trị là 8.000.000 đồng và nhanh chóng tẩu thoát là thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú truy tố các bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Bản thân các bị cáo nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu xài một cách dễ dàng nhưng không muốn bỏ công sức lao động nên các bị cáo đã cố ý phạm tội. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách táo bạo và liều lĩnh, ngay trên đường phố có đông người qua lại, chứng tỏ ý thức xem thường pháp luật của các bị cáo.

[4] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, bị cáo T là người phát hiện ra người bị hại, là người rủ bị cáo L cướp giật tài sản và là người thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo L là người điều khiển xe chở bị cáo T cướp giật tài sản và tẩu thoát là người giữ vai trò giúp sức tích cực.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo là người có nhân thân xấu. Đối với bị cáo L vào ngày 20/5/2013 bị Công an quận Tân Phú xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi xâm hại đến sức khỏe người khác; ngày 04/7/2018 bị Tòa án nhân dân quận B ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng, đây là tình tiết lưu ý khi lượng hình. Đối với bị cáo T vào ngày 30/6/2011, bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; ngày 14/11/2017, bị Tòa án nhân dân Quận Q xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý là thuộc trường hợp tái phạm. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án nghiêm khắc, mới có tác dụng răn đe

giáo dục đối với các bị cáo và đảm bảo công tác phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, cũng xem xét các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo qui định tại điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 01 điện thoại di động hiệu OPPO Rena đã thu hồi trả cho bị hại. Chị D đã nhận lại và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 10X Zoom, màu xanh đen, 256GB, số IMEI: 867972042057291, đã trả lại cho chị Ngô Bích D nên Hội đồng xét xử không xử lý.

- 01 áo khoác dài tay, màu nâu; 01 quần jean dài, màu đen, 01 nón bảo hiểm, màu trắng-cam thu giữ của bị cáo L và 01 áo khoác dài tay, màu nâu; 01 quần jean dài, màu đen, 01 nón bảo hiểm, màu trắng thu giữ của bị cáo T. Đây là vật chứng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 xe gắn máy dạng Wave, màu xanh, biển số: 52P8-1883, số khung: RMKWCH4UM5K415975, số máy: VKVIP52FMH- R- 415975. Bị cáo L sử dụng làm phương tiện đi cướp giật tài sản. Qua xác minh, đây là xe của ông Trương Phước C đứng tên chủ sở hữu. Ông C khai nhận không biết việc L lấy xe đi cướp giật tài sản. Xét, đây là tài sản hợp pháp của ông C và không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả cho ông C theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố các bị cáo Trịnh Hoàng L, Nguyễn Thị Kim Bé T phạm tội "Cướp giật tài sản".

[2] Căn cứ vào:

- Điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trịnh Hoàng L 04 (bốn) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 20 tháng 7 năm 2020.

- Điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim Bé T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 20 tháng 7 năm 2020.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả cho ông Trương Phước C 01 (một) xe gắn máy nhãn dạng Wave, màu xanh, biển số 52P8 – 1883; số máy VKVIP52FMH - R – 415975; số khung RMKWCH4UM5K415975.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo khoác dài tay, màu nâu; 01 (một) quần jean dài, màu đen, 01 (một) nón bảo hiểm, màu trắng-cam thu giữ của bị cáo L và 01 (một) áo khoác dài tay, màu nâu; 01 (một) quần jean dài, màu đen, 01 (một) nón bảo hiểm, màu trắng thu giữ của bị cáo T.

(Vật chứng hiện đang nhập kho theo Phiếu nhập kho vật chứng số 233/PNK ngày 09/9/2020 của Công an quận Tân Phú).

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Trịnh Hoàng L, Nguyễn Thị Kim Bé T, mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKS Q.Tân Phú;
- THA quận Tân Phú;
- Công an Q.Tân Phú;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- Lưu: hồ sơ.

Lê Viết Hoàng Lâm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo
- Người tham gia tố tụng
- TAND TP.Hồ Chí Minh
- VKS Q.Tân Phú.
- THA quận Tân Phú.
- Công an Q.Tân Phú

- Công an TP.Hồ Chí Minh
- Sở Tư pháp TP.HCM
- Lưu hồ sơ

Lê Viết Hoàng Lâm